

Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ
ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch Công ty
Ông Lê Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Lê Vũ Hoàng	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2011)
Ông Nguyễn Trung Tri	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2011)
Ông Bùi Minh Chính	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Bùi Minh Chính	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Lê Việt Hoài	Phó Giám đốc
Ông Lê Lân	Phó Giám đốc
Ông Vũ Duy Hạnh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2011)
Ông Nguyễn Duy Thạch	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Minh Chính
Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2012

Số: *1127*/2012/Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và các công ty con (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 27. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.


Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi cũng đồng thời kiểm tra việc trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được đề cập tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Theo ý kiến của chúng tôi, việc trình bày này là phù hợp và đã được phản ánh đầy đủ.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 9 tháng 4 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Đặng Thị Lợi
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1529/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.843.706.728.901	2.044.308.018.091
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	21.020.730.508	544.598.549.464
1. Tiền	111		14.070.730.508	16.798.549.464
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.950.000.000	527.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	34.530.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	34.530.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		201.844.952.023	168.946.859.699
1. Phải thu khách hàng	131		188.635.807.584	332.544.040
2. Trả trước cho người bán	132		4.138.788.224	9.528.635.770
3. Các khoản phải thu khác	135	7	9.070.356.215	159.085.679.889
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.549.800.544.235	1.238.596.521.664
1. Hàng tồn kho	141		1.549.800.544.235	1.238.596.521.664
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		71.040.502.135	57.636.087.264
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33.612.036.988	34.374.709.454
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.815.890.200	14.057.541.418
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		22.139.322.338	7.609.004.314
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.473.252.609	1.594.832.078
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		691.110.083.633	759.177.712.667
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.633.333.333	4.633.333.333
1. Phải thu dài hạn khác	218		4.633.333.333	4.633.333.333
II. Tài sản cố định	220		516.912.226.035	428.496.672.915
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	30.457.008.966	34.839.557.127
- Nguyên giá	222		38.911.315.839	39.436.615.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.454.306.873)	(4.597.058.686)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	75.621.604.952	74.027.752.303
- Nguyên giá	228		75.751.833.950	74.056.865.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.228.998)	(29.113.336)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	410.833.612.117	319.629.363.485
III. Bất động sản đầu tư	240	12	55.906.408.113	54.316.283.441
- Nguyên giá	241		56.886.003.360	54.530.921.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(979.595.247)	(214.637.976)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	10.237.500.000	166.149.150.203
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	139.899.150.203
2. Đầu tư dài hạn khác	258		26.250.000.000	26.250.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(16.012.500.000)	-
V. Lợi thế thương mại	260	14	1.671.636.629	3.343.273.257
VI. Tài sản dài hạn khác	270		101.748.979.523	102.238.999.518
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		891.789.985	1.386.809.980
2. Tài sản dài hạn khác	278	15	100.857.189.538	100.852.189.538
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			<u>2.534.816.812.534</u>	<u>2.803.485.730.758</u>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
				(Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.399.759.462.709	1.644.528.030.309
I. Nợ ngắn hạn	310		1.094.915.645.612	1.311.607.064.826
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	106.057.992.045	341.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		185.280.153.480	156.900.924.458
3. Người mua trả tiền trước	313		441.149.066.414	446.044.451.307
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	485.669.899	24.992.563.672
5. Phải trả người lao động	315		3.401.907.321	3.084.028.524
6. Chi phí phải trả	316		151.290.938.863	125.444.537.923
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	205.822.914.927	213.640.558.942
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.427.002.663	-
II. Nợ dài hạn	330		304.843.817.097	332.920.965.483
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.299.180.987	1.299.180.987
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	303.544.636.110	331.621.784.496
B. NGUỒN VỐN	400		1.013.592.438.706	1.037.350.814.978
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1.013.592.438.706	1.037.350.814.978
1. Vốn điều lệ	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(7.866.485.920)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.729.462.313	2.077.326.587
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.729.462.313	2.077.326.587
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	33.196.161.804
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	21	121.464.911.119	121.606.885.471
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	540		2.534.816.812.534	2.803.485.730.758



Bùi Minh Chính
 Giám đốc
 Ngày 9 tháng 4 năm 2012

Vũ Thị Kim Ngân
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		747.141.530.770	7.335.698.724
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(2.869.872.783)	(120.345.968)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	744.271.657.987	7.215.352.756
4. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	24	(515.902.839.419)	(5.805.459.711)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		228.368.818.568	1.409.893.045
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	24.365.149.383	38.185.658.276
7. Chi phí tài chính	22	26	(44.398.893.722)	(7.732.185.458)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(28.100.007.172)	(7.732.185.458)
8. Chi phí bán hàng	24		(3.861.929.947)	(1.975.162.079)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	27	(30.834.438.573)	(28.298.706.624)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		173.638.705.709	1.589.497.160
11. Thu nhập khác	31		2.624.191.356	1.072.116.346
12. Chi phí khác	32		(964.215.769)	(632.347.940)
13. Lợi nhuận khác	40		1.659.975.587	439.768.406
14. Lợi nhuận trước thuế	50		175.298.681.296	2.029.265.566
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	(49.228.769.004)	(1.039.002.339)
16. Lợi nhuận sau thuế	60		126.069.912.292	990.263.227
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Cổ đông thiểu số		21	(2.302.993.384)	505.468.135
- Cổ đông của Công ty			128.372.905.676	484.795.092
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.291	5



Bùi Minh Chính

Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2012



Vũ Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	
		2011	(Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	175.298.681.296	2.029.265.566
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.584.691.613	3.093.318.036
Các khoản dự phòng	03	16.012.500.000	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(20.901.918.254)	(34.442.965.257)
Chi phí lãi vay	06	28.100.007.172	7.732.185.458
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	204.093.961.827	(21.588.196.197)
Biến động các khoản phải thu	09	(37.564.196.558)	(121.895.636.675)
Biến động hàng tồn kho	10	(309.942.162.977)	(817.463.787.105)
Biến động các khoản phải trả	11	159.554.810.840	813.730.050.877
Biến động chi phí trả trước	12	492.669.847	(35.575.969.457)
Tiền lãi vay đã trả	13	(25.818.800.452)	(3.153.354.969)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(64.000.837.272)	(11.429.511.970)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(43.855.798.159)	21.083.192.460
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(117.040.352.904)	(176.293.213.036)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(93.524.237.045)	(312.341.635.212)
2. Tiền chi đầu tư và góp vốn vào các công ty khác	25	-	(175.190.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư ngắn hạn	26	35.193.890.000	240.123.403.967
4. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.901.918.254	31.003.773.868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(37.428.428.791)	(216.404.457.377)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	62.380.000.000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(7.866.485.920)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	568.585.615.336	807.821.784.496
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(832.104.771.677)	(134.700.000.000)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(97.723.395.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(369.109.037.261)	735.501.784.496
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(523.577.818.956)	342.804.114.083
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	544.598.549.464	201.794.435.381
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	21.020.730.508	544.598.549.464

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ


Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 41.822.637.000 đồng là số cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả cho các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trong phần tăng, giảm các khoản phải trả.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011


Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ (Tiếp theo)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư và tài chính năm 2010 không bao gồm số tiền 139.235.260.203 đồng và số tiền 664.354.170 đồng, là số tiền đầu tư của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng bằng việc nhận chuyển giao khoản vay từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và từ góp vốn bằng tài sản. Năm 2011, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang rút vốn khỏi Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng đồng thời với việc thanh lý khoản vay từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam với số tiền 139.235.260.203 đồng. Các nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày trong báo cáo trên.




Bùi Minh Chính
Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2012


Vũ Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và bốn công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PTL.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 138 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 121 người).

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các công ty con

Công ty có các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang, và Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp 157.325.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 157.325.000.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ 175.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, tương đương với 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310275607 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đăng ký góp 399.500.000.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương với 79,9% quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp 350.504.480.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.000.000.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ đăng ký tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4200734936 cấp ngày 2 tháng 2 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang tại số 4, đường An Dương Vương, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang là 300.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 196.150.000.000 đồng tương đương với 65,38% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp 200.387.520.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 200.387.520.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ đăng ký tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh với tổng vốn điều lệ 80 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900949861 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2010. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tỉ lệ vốn điều lệ góp của Công ty chiếm 50,1% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh tại số 50, đường Hoàng Lê Kha, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Vào ngày 7 tháng 7 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh đã ra Nghị quyết số 99/NQ-ĐHĐCĐ về việc giải thể Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh đã chính thức giải thể theo thông báo số 169/TB-ĐKKD ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con như sau:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư, tư vấn giám sát;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 31.

4. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Theo Quyết định số 08a/TTr-TCKT ngày 2 tháng 2 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi chính sách ghi nhận doanh thu và giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”. Theo đó, doanh thu và giá vốn bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang cho người mua.



Handwritten signature or mark at the bottom right corner.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Theo đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc thay đổi chính sách nêu trên cho báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 để điều chỉnh các ảnh hưởng liên quan đến những thay đổi trong chính sách kế toán phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót". Ảnh hưởng chi tiết của việc trình bày lại số liệu đến các khoản mục của báo cáo tài chính đã công bố năm trước như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	946.220.540.076	7.335.698.724	938.884.841.352
Các khoản giảm trừ doanh thu	(11.620.513.436)	(120.345.968)	(11.500.167.468)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	934.600.026.640	7.215.352.756	927.384.673.884
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	(698.746.008.281)	(5.805.459.711)	(692.940.548.570)
Lợi nhuận trước thuế	236.473.390.880	2.029.265.566	234.444.125.314
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(61.129.745.981)	(1.039.002.339)	(60.090.743.642)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	313.173.699	-	313.173.699
Lợi nhuận sau thuế	175.656.818.598	990.263.227	174.666.555.371

Bảng cân đối kế toán
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	538.134.373.499	332.544.040	537.801.829.459
Phải thu khác	157.534.211.974	159.085.679.889	(1.551.467.915)
Hàng tồn kho	516.043.136.345	1.238.596.521.664	(722.553.385.319)
Chi phí trả trước ngắn hạn	22.874.541.986	34.374.709.454	(11.500.167.468)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	7.609.004.314	(7.609.004.314)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	313.173.699	-	313.173.699
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	77.474.303.000	24.992.563.672	52.481.739.328
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	70.700.000	-	70.700.000
Lợi nhuận chưa phân phối	217.166.702.794	33.196.161.804	183.970.540.990
Lợi ích cổ đông thiểu số	122.004.554.962	121.606.885.471	397.669.491

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác ngắn hạn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và công ty con. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ của cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 3 năm.

Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm chi phí xây dựng dở dang liên quan đến các dự án, các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án và giá trị bất động sản xây dựng để bán trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá trị quyền sử dụng đất hoặc giá trị quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm, được trình bày theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 421 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Vũng Tàu và tại địa chỉ số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, một phần của nhà, đất và cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các khoản ủy thác quản lý vốn, ủy thác đầu tư theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn và ủy thác đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan đến việc đầu tư này. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh

1372
HÀNH
IG TY
M HỮU
D T T
NA
IA NỘ
IG C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	629.863.766	1.134.887.646
Tiền gửi ngân hàng	13.440.866.742	15.663.661.818
Các khoản tương đương tiền	6.950.000.000	527.800.000.000
	<u>21.020.730.508</u>	<u>544.598.549.464</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 phản ánh tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng và được sử dụng để bảo đảm cho các khoản vay tại ngân hàng.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
		(trình bày lại)
Công ty TNHH Bệnh Viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	5.000.000.000	145.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	2.765.081.235
Phải thu khác	4.070.356.215	11.320.598.654
	<u>9.070.356.215</u>	<u>159.085.679.889</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
		(trình bày lại)
Chi phí quyền sử dụng đất liên quan đến dự án chung cư cao tầng Thăng Long, Quận 9	345.000.000.000	-
Chung cư Petroland Quận 2	351.774.625.065	212.788.744.456
Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	478.111.363.802	780.499.360.492
Chung cư Mỹ Phú	365.849.548.073	240.104.674.921
Chi phí dở dang khác	3.084.144.283	154.833.777
Các công trình tư vấn quản lý dự án	5.842.541.921	5.003.900.566
Công cụ, dụng cụ	138.321.091	45.007.452
	<u>1.549.800.544.235</u>	<u>1.238.596.521.664</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư cho Dự án Trung tâm Thương mại Tài Chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và Dự án xây dựng khu chung cư Petroland tại phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Chi phí quyền sử dụng đất liên quan đến dự án chung cư cao tầng Thăng Long, Quận 9 là số tiền mà Công ty trả cho Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh (gọi tắt là "Vũ Anh") theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 319/2010/HĐ-PETROLAND ký ngày 6 tháng 8 năm 2010 và các phụ lục hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

đồng để thực hiện các chi phí đền bù giải tỏa và các chi phí khác để có được quyền sử dụng đất cho lô đất với diện tích 60.626,4 m² thuộc dự án Khu nhà ở cao tầng và công trình công cộng tại Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng lô đất này của Công ty hiện đang chờ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt. Khoản tiền này cũng được ghi nhận là khoản vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí Thăng Long, một công ty con.

Cũng theo hợp đồng này và các phụ lục hợp đồng thì Vũ Anh có trách nhiệm thực hiện các thủ tục xin giao đất và quyết định giao đất cho Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long thực hiện dự án với thời hạn cuối cùng là ngày 30 tháng 6 năm 2012 và Vũ Anh đồng thời chịu trách nhiệm đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích đất mà hai bên thống nhất hợp tác đầu tư. Công ty đã thanh toán cho Vũ Anh số tiền 345 tỷ đồng và sẽ thanh toán số tiền còn lại khoảng 49 tỷ đồng khi Vũ Anh cung cấp quyết định giao đất của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2011	30.304.878.082	6.258.004.853	2.873.732.878	39.436.615.813
Tăng trong năm	90.550.738	981.921.318	933.258.780	2.005.730.836
Điều chỉnh khác	(5.830.961.098)	-	3.299.930.288	(2.531.030.810)
Tại ngày 31/12/2011	<u>24.564.467.722</u>	<u>7.239.926.171</u>	<u>7.106.921.946</u>	<u>38.911.315.839</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2011	1.814.774.652	1.738.306.368	1.043.977.666	4.597.058.686
Khấu hao trong năm	2.246.485.924	1.074.069.949	838.536.584	4.159.092.457
Điều chỉnh khác	(1.183.937.183)	-	882.092.913	(301.844.270)
Tại ngày 31/12/2011	<u>2.877.323.393</u>	<u>2.812.376.317</u>	<u>2.764.607.163</u>	<u>8.454.306.873</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	<u>21.687.144.329</u>	<u>4.427.549.854</u>	<u>4.342.314.783</u>	<u>30.457.008.966</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>28.490.103.430</u>	<u>4.519.698.485</u>	<u>1.829.755.212</u>	<u>34.839.557.127</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	73.874.097.639	182.768.000	74.056.865.639
Tăng trong năm	-	293.144.000	293.144.000
Điều chỉnh khác	1.401.824.311	-	1.401.824.311
Tại ngày 31/12/2011	<u>75.275.921.950</u>	<u>475.912.000</u>	<u>75.751.833.950</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	-	29.113.336	29.113.336
Khấu hao trong năm	-	101.115.662	101.115.662
Tại ngày 31/12/2011	-	<u>130.228.998</u>	<u>130.228.998</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	<u>75.275.921.950</u>	<u>345.683.002</u>	<u>75.621.604.952</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>73.874.097.639</u>	<u>153.654.664</u>	<u>74.027.752.303</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Dự án đường vành đai 2	5.104.425.098	5.086.518.075
Khu đô thị mới Vũng Tàu	151.405.149.594	121.871.268.022
Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát	32.194.290.000	32.194.290.000
Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	186.129.747.425	124.477.287.388
Dự án nhà ở thương mại Trương Bình Hiệp	36.000.000.000	36.000.000.000
	<u>410.833.612.117</u>	<u>319.629.363.485</u>

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	10.731.898.875	43.799.022.542	54.530.921.417
Tăng trong năm	76.134.817	-	76.134.817
Điều chỉnh khác	1.945.761.937	333.185.189	2.278.947.126
Tại ngày 31/12/2011	<u>12.753.795.629</u>	<u>44.132.207.731</u>	<u>56.886.003.360</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	214.637.976	-	214.637.976
Trích khấu hao trong năm	463.113.001	-	463.113.001
Điều chỉnh khác	301.844.270	-	301.844.270
Tại ngày 31/12/2011	<u>979.595.247</u>	<u>-</u>	<u>979.595.247</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	<u>11.774.200.382</u>	<u>44.132.207.731</u>	<u>55.906.408.113</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>10.517.260.899</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.316.283.441</u>

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng tòa nhà số 16 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành và đã được cho thuê. Nguyên giá bất động sản đầu tư được ghi nhận tương ứng với phần diện tích cho thuê. Bất động sản đầu tư là toà nhà được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã được điều chỉnh dựa trên quyết toán công trình đã được phê duyệt theo báo cáo kiểm toán số 134/VACO/BCKT.NV1 ngày 20 tháng 6 năm 2011.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vẫn chưa được xác định vì Công ty chưa thực hiện định giá những bất động sản này và không có tài sản so sánh cùng loại để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con (i)	-	139.899.150.203
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng	-	139.899.150.203
Đầu tư dài hạn khác (ii)	26.250.000.000	26.250.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(16.012.500.000)</u>	-
	<u>10.237.500.000</u>	<u>166.149.150.203</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***(i) Đầu tư vào công ty con**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, quyền kiểm soát của Công ty đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng chỉ là tạm thời, do đó, Công ty không hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng. Khoản đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng (“Hải Đăng”) với số tiền là 139.899.150.203 đồng chiếm tỷ lệ 54,12% vốn điều lệ. Giá trị vốn góp này bao gồm khoản vay 139.235.260.203 đồng từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và 664.354.170 đồng bằng tài sản. Tại ngày 24 tháng 3 năm 2011, Công ty đã chuyển giao toàn bộ số cổ phần tại Hải Đăng và các khoản nợ cũng như lãi vay liên quan đến khoản đầu tư này cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (“PVC – Sài Gòn”).

(ii) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư chứng khoán vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (“PVC SG”), với số tiền đầu tư tương đương 7,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 7,5%).

Ngày 15 tháng 3 năm 2011, Công ty PVC SG đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc Công ty cho rằng giá thị trường của khoản đầu tư này thấp hơn giá gốc, vì thế đã lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này với số tiền là 16.012.500.000 đồng.

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

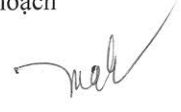
Vào ngày 2 tháng 10 năm 2010, Công ty đã thực hiện mua thêm 5.635.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với giá mua là 10.752 đồng/cổ phần để nâng tỉ lệ sở hữu lên 65,38%. Nghiệp vụ mua này tạo ra khoản lợi thế thương mại cho Công ty với số tiền là 5.014.909.885 đồng. Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2011 và ngày 31/12/2011	5.014.909.885
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2011	1.671.636.628
Khấu hao trong năm	1.671.636.628
Tại ngày 31/12/2011	3.343.273.256
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2011	1.671.636.629
Tại ngày 31/12/2010	3.343.273.257

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ký quỹ Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	100.000.000.000	100.000.000.000
Ký quỹ dài hạn khác	857.189.538	852.189.538
	100.857.189.538	100.852.189.538

Khoản ký quỹ Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh là khoản tiền của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang nộp ứng trước tiền thuê đất để đảm bảo thực hiện dự án sân golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Số tiền này sẽ được trừ vào tiền thuê đất hàng năm theo Công văn số 2721/SKHĐT-HTĐT ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5.998.000.000	341.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	100.059.992.045	-
	<u>106.057.992.045</u>	<u>341.500.000.000</u>

Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("BaovietBank Hồ Chí Minh") có thời hạn vay dưới 1 năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại BaovietBank Hồ Chí Minh và chịu lãi suất từ 16% đến 20%/năm.

Nợ dài hạn đến hạn phải trả thể hiện khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt đến hạn trả.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u> (trình bày lại)
Thuế thu nhập doanh nghiệp		241.750.244
Thuế giá trị gia tăng	-	23.989.476.591
Thuế nhà thầu	28.494.865	135.309.474
Thuế thu nhập cá nhân	457.175.034	626.027.363
	<u>485.669.899</u>	<u>24.992.563.672</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
Nhận tiền đặt cọc mua căn hộ	2.490.678.000	1.855.278.840
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	150.573.620.000	199.822.780.203
Phải trả Tập đoàn dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá	10.850.000.327	10.850.000.327
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	41.908.616.600	1.112.499.572
	<u>205.822.914.927</u>	<u>213.640.558.942</u>

Số dư phải trả khác cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("PVC") thể hiện khoản vay tạm của PVC thông qua nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương ("OceanBank") nhận thanh toán để chuyển nhượng cho Công ty 5.635.000 cổ phần (trị giá 60.587.520.000 đồng) từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Số tiền còn lại là 90 tỷ đồng là khoản hỗ trợ vốn của PVC cho Công ty trong thời gian không quá 3 tháng kể từ ngày khoản hỗ trợ đầu tiên được giải ngân với lãi suất hỗ trợ 5%/năm.

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
VietinBank Hồ Chí Minh	303.544.636.110	289.660.415.496
BaovietBank Hồ Chí Minh	-	41.961.369.000
	<u>303.544.636.110</u>	<u>331.621.784.496</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃU B 09-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản vay dài hạn được chi trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	100.059.992.045	-
Trong năm thứ hai	71.422.267.320	27.974.246.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	214.266.801.960	173.300.351.523
Sau năm năm	17.855.566.830	130.347.186.973
	403.604.628.155	331.621.784.496
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở thuyết minh số 16)	<u>(100.059.992.045)</u>	<u>-</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>303.544.636.110</u>	<u>331.621.784.496</u>

Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("VietinBank Hồ Chí Minh") ngày 7 tháng 1 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VietinBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/ năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

Hợp đồng tín dụng ký với BaovietBank Hồ Chí Minh ngày 5 tháng 8 năm 2010 với số tiền vay tối đa là 100 tỷ đồng. Thời hạn tối đa của khoản vay là 18 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Công ty được ân hạn nợ gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất 15%/năm, áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần, áp dụng bằng lãi suất tiết kiệm VND thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của BaovietBank Hồ Chí Minh tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm. Mục đích của khoản vay là tài trợ vốn cho dự án xây dựng Chung cư Petroland tại phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Kỳ hạn trả nợ gốc định kỳ hàng tháng. Khoản vay này có thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và số dư khoản vay trên sẽ đáo hạn thanh toán vào tháng 2 năm 2012. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất của dự án và được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hiện có và sẽ hoàn thành trong tương lai của dự án.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số lương cổ phần được phép phát hành		
Số lương cổ phần được phép phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lương cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	100.000.000	100.000.000
Số lương cổ phần mua lại trong năm	1.134.920	-
Số lương cổ phần đang lưu hành	<u>98.865.080</u>	<u>100.000.000</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần phổ thông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÓ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**MẪU B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	VND	Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/1/2010-trình bày lại	937.620.000.000	35.902.262.632	1.439.147.403	1.439.147.403	-	976.400.557.438
Nhận vốn góp	62.380.000.000	-	-	-	-	62.380.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	484.795.092	-	-	-	484.795.092
Trích Quỹ	-	(3.190.895.920)	638.179.184	638.179.184	-	(1.914.537.552)
Số dư tại ngày 31/12/2010-trình bày lại	1.000.000.000.000	33.196.161.804	2.077.326.587	2.077.326.587	-	1.037.350.814.978
Lợi nhuận trong năm	-	128.372.905.676	-	-	-	128.372.905.676
Trích Quỹ	-	(25.956.407.178)	8.652.135.726	8.652.135.726	-	(8.652.135.726)
Chi trả cổ tức	-	(139.546.032.000)	-	-	-	(139.546.032.000)
Điều chỉnh thuế và khác	-	3.933.371.698	-	-	-	3.933.371.698
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	-	-	(7.866.485.920)	(7.866.485.920)
Số dư tại ngày 31/12/2011	1.000.000.000.000	-	10.729.462.313	10.729.462.313	(7.866.485.920)	1.013.592.438.706

Trong năm, Công ty đã trích các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng và phúc lợi với số tiền lần lượt là 8.652.135.726 đồng, 8.652.135.726 đồng và 8.652.135.726 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 1010/NQ-Petroland ngày 20 tháng 4 năm 2011.

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 1010/NQ-Petroland ngày 20 tháng 4 năm 2011, Công ty đã công bố chi trả cổ tức với số tiền là 100.000.000.000 đồng (tương ứng với tỉ lệ là 10%/mỗi cổ phiếu) bằng tiền mặt.

Theo Nghị quyết số 3227/QĐ-Petroland ngày 21 tháng 11 năm 2011, Công ty đã công bố tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt là 4% vốn điều lệ trong quý 4 năm 2011. Số liệu cuối cùng của việc chia cổ tức và trích lập các quỹ sẽ được các cổ đông xem xét và phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1011/NQ-Petroland ngày 20 tháng 4 năm 2011 và Quyết định số 1092/QĐ-Petroland ngày 6 tháng 5 năm 2011 về việc mua cổ phiếu quỹ. Theo đó, Công ty đăng ký mua lại 8 triệu cổ phần và đã được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận theo công văn số 877/2011/SGDHCM-NY ngày 9 tháng 5 năm 2011. Trong năm, Công ty đã thực hiện mua 1.134.920 cổ phiếu quỹ với giá trị là 7.866.485.920 đồng.




CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên cổ đông	Theo chứng nhận		Vốn đã góp tại	
	đăng ký kinh doanh		31/12/2011	31/12/2010
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	284.484.000.000	28,44	360.146.300.000	303.992.400.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	100.000.000.000	10,00	100.216.000.000	100.000.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	90.000.000.000	9,00	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	85.000.000.000	8,50	85.000.000.000	85.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	80.000.000.000	8,00	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	5.516.000.000	0,55	4.864.000.000	5.294.000.000

21. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Vốn điều lệ/Vốn thực góp VND	Vốn phân bổ cho Công ty mẹ VND	Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số VND	Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số %
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	300.000.000.000	196.150.000.000	103.850.000.000	34,62%
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	174.488.000.000	157.325.000.000	17.163.000.000	9,84%
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	351.004.480.000	350.504.480.000	500.000.000	0,14%

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang VND	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú VND	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long VND	Tổng VND
Tổng tài sản	304.359.250.202	428.869.790.190	349.820.700.171	1.083.049.740.563
Tổng nợ phải trả	(4.109.997.670)	(255.741.221.316)	(212.641.380)	(260.063.860.366)
Tài sản thuần	300.249.252.532	173.128.568.874	349.608.058.791	822.985.880.197
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn cổ phần	300.000.000.000	174.488.000.000	351.004.480.000	825.492.480.000
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	249.252.532	(1.359.431.126)	(1.396.421.209)	(2.506.599.803)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	103.850.000.000	17.163.000.000	500.000.000	121.513.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	86.282.918	(133.716.453)	(655.347)	(48.088.881)
103.936.282.918	17.029.283.547	499.344.653	121.464.911.119	

nao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty như sau:

	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang VND	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú VND	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long VND	Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh VND	Tổng VND
Lợi nhuận trong năm	(156.499.183)	(872.334.768)	(1.400.439.878)	(4.330.699.462)	(6.759.973.291)
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	<u>(54.174.801)</u>	<u>(85.804.649)</u>	<u>(1.994.903)</u>	<u>(2.161.019.032)</u>	<u>(2.302.993.384)</u>

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Công ty chủ yếu là kinh doanh bất động sản. Đồng thời, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do hoạt động của Công ty tập trung tại khu vực phía Nam.

23. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2011 VND	2010 VND (trình bày lại)
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bất động sản	724.434.230.992	247.931.737
- Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Phú Mỹ Hưng	718.207.976.816	-
- Dự án Mỹ Phú Quận 7	6.226.254.176	247.931.737
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	19.837.426.995	6.967.421.019
	<u>744.271.657.987</u>	<u>7.215.352.756</u>

24. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2011 VND	2010 VND (trình bày lại)
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	496.495.421.464	-
- Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Phú Mỹ Hưng	496.495.421.464	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.407.417.955	5.805.459.711
	<u>515.902.839.419</u>	<u>5.805.459.711</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, ủy thác đầu tư, quản lý vốn	19.326.918.254	33.542.965.257
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.575.000.000	900.000.000
Thu nhập từ hoạt động tài chính khác	3.463.231.129	3.742.693.019
	<u>24.365.149.383</u>	<u>38.185.658.276</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư	16.012.500.000	-
Chi phí lãi vay	28.100.007.172	7.732.185.458
Chi phí tài chính khác	286.386.550	-
	<u>44.398.893.722</u>	<u>7.732.185.458</u>

Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

16 Trương Định, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.704.217.714	15.756.595.623
Chi phí đồ dùng văn phòng	640.715.278	435.480.736
Chi phí vật liệu quản lý	21.391.798	120.087.661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.190.183.839	2.278.380.597
Thuế, phí và lệ phí	120.505.775	159.958.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.535.850.619	4.447.730.050
Chi phí bằng tiền khác	6.484.146.606	4.985.212.603
Kinh phí đào tạo	137.426.944	18.467.272
Chi phí tìm kiếm cơ hội đầu tư	-	96.793.335
	<u>30.834.438.573</u>	<u>28.298.706.624</u>

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2011 VND	2010 VND (trình bày lại)
Lợi nhuận trước thuế	175.298.681.296	2.029.265.566
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.575.000.000)	(900.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.676.908.374	1.860.020.182
Điều chỉnh lợi nhuận trước thuế do hợp nhất	<u>16.499.824.979</u>	<u>1.166.723.609</u>
Thu nhập chịu thuế	196.900.414.649	4.156.009.357
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%	49.225.103.663	1.039.002.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung cho năm 2010	3.665.341	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>49.228.769.004</u>	<u>1.039.002.339</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2011	2010 (Trình bày lại)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	128.372.905.676	484.795.092
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>99.447.284</u>	<u>98.461.863</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>1.291</u>	<u>5</u>

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới các hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản đang thực hiện chưa hoàn thành. Chi tiết số vốn đã cam kết và sẽ được thanh toán trong tương lai như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự án "Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng"	91.823.841.640	279.744.406.627
Dự án "Chung cư Petroland Quận 2"	<u>107.094.910.786</u>	<u>102.035.371.777</u>
	<u>198.918.752.426</u>	<u>381.779.778.404</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		(trình bày lại)
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.020.730.508	544.598.549.464
Phải thu khách hàng và phải thu khác	197.706.163.799	159.418.223.929
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.202.489.538	1.192.489.538
Đầu tư ngắn hạn	-	34.530.000.000
Đầu tư dài hạn khác	10.237.500.000	26.250.000.000
Tổng	<u>230.166.883.845</u>	<u>765.989.262.931</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả khách hàng và phải trả khác	391.103.068.407	370.541.483.400
Chi phí phải trả	151.290.938.863	125.444.537.923
Các khoản vay	409.602.628.155	673.121.784.496
Nhận ký quỹ	1.299.180.987	1.299.180.987
Tổng	<u>953.295.816.412</u>	<u>1.170.406.986.806</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết từ các ngân hàng. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	391.103.068.407	-	-	391.103.068.407
Chi phí phải trả	151.290.938.863	-	-	151.290.938.863
Các khoản vay	106.057.992.045	285.689.069.280	17.855.566.830	409.602.628.155
Nhận ký quỹ	1.299.180.987	-	-	1.299.180.987
	649.751.180.302	285.689.069.280	17.855.566.830	953.295.816.412
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	370.541.483.400	-	-	370.541.483.400
Chi phí phải trả	125.444.537.923	-	-	125.444.537.923
Các khoản vay	341.500.000.000	201.274.597.523	130.347.186.973	673.121.784.496
Nhận ký quỹ	1.299.180.987	-	-	1.299.180.987
	838.785.202.310	201.274.597.523	130.347.186.973	1.170.406.986.806

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

C.T.C
H.N.H

1372
HÀNH
G TY
M HỮU
HIT
NA
À NỘI
30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.020.730.508	-	-	21.020.730.508
Phải thu khách hàng và phải thu khác	197.706.163.799	-	-	197.706.163.799
Các khoản ký quỹ, ký cược	345.300.000	857.189.538	-	1.202.489.538
Đầu tư dài hạn khác	-	-	10.237.500.000	10.237.500.000
	219.072.194.307	857.189.538	10.237.500.000	230.166.883.845
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	544.598.549.464	-	-	544.598.549.464
Phải thu khách hàng và phải thu khác	159.418.223.929	-	-	159.418.223.929
Các khoản ký quỹ, ký cược	340.300.000	852.189.538	-	1.192.489.538
Đầu tư ngắn hạn	34.530.000.000	-	-	34.530.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-	26.250.000.000	26.250.000.000
	738.887.073.393	852.189.538	26.250.000.000	765.989.262.931

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	998.025.905	536.142.469
Thu nhập của Ban Giám đốc	3.894.185.908	1.978.974.014

Công ty có các số dư sau với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	63.468.932	26.006.432
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	150.573.620.000	199.822.780.203
Ủy thác đầu tư và ủy thác quản lý vốn		
Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	21.000.000.000



Bùi Minh Chính
 Giám đốc
 Ngày 9 tháng 4 năm 2012

Vũ Thị Kim Ngân
 Kế toán trưởng